

Chi tiết mã HS 4822.90.10

Mã HS	4822.90.10
Mô tả hàng hóa	Ống lõi, suốt, cúi và các loại lõi tương tự bằng bột giấy, giấy hoặc bìa (đã hoặc chưa đục lỗ hoặc làm cứng) / - Loại khác: / - - Hình nón cụt (cones)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	30/10/2026 22:52:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/48229010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7698
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7698
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7698
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7428
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7381
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7381
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7381
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7381
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7381
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7381
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7431
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7431

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7431
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7431
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7431
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7431
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7432
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7432
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7432
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7432
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7432
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7432
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7433
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7387
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7395
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7395
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7395
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7395
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7395
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7395
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7417
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7417
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7417
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7417
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7417
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7417
VCFTA	2022	2022	5	VC!D7463
VCFTA	2023	2023	5	VC!E7463

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7463
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7463
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7463
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7463
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7443
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7443
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7443
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7443
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7443
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7443
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7456
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7456
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7456
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7456
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7456
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7456
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7460
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7460
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7460
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7460
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7460
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7460
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7461
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7461
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7461
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7461

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7461
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7461
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7411
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7411
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7411
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7411
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7411
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7411
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7411
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7448
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7448
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7448
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7448
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7448
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7448
RCEP B	2022	2022	0	B!D7448
RCEP B	2023	2023	0	B!E7448
RCEP B	2024	2024	0	B!F7448
RCEP B	2025	2025	0	B!G7448
RCEP B	2026	2026	0	B!H7448
RCEP B	2027	2027	0	B!I7448
RCEP C	2022	2022	0	C!D7448
RCEP C	2023	2023	0	C!E7448
RCEP C	2024	2024	0	C!F7448
RCEP C	2025	2025	0	C!G7448
RCEP C	2026	2026	0	C!H7448

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7448
RCEP D	2022	2022	0	D!D7448
RCEP D	2023	2023	0	D!E7448
RCEP D	2024	2024	0	D!F7448
RCEP D	2025	2025	0	D!G7448
RCEP D	2026	2026	0	D!H7448
RCEP D	2027	2027	0	D!I7448
RCEP E	2022	2022	0	E!D7451
RCEP E	2023	2023	0	E!E7451
RCEP E	2024	2024	0	E!F7451
RCEP E	2025	2025	0	E!G7451
RCEP E	2026	2026	0	E!H7451
RCEP E	2027	2027	0	E!I7451
RCEP F	2022	2022	0	F!D7448
RCEP F	2023	2023	0	F!E7448
RCEP F	2024	2024	0	F!F7448
RCEP F	2025	2025	0	F!G7448
RCEP F	2026	2026	0	F!H7448
RCEP F	2027	2027	0	F!I7448
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F6889
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G6889
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H6889
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I6889

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4822.90 có 2 dòng thuế; dòng 4822.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hình nón cụt (cones).	4822.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cần nhắc để nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4822.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 4822.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7698), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.